

Số: **35** /2016/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **23** tháng **9** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý
chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về
quản lý chất thải rắn;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ Về
quản lý chất thải và phế liệu;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
788/TTr-STNM.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/10/2016.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh; chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc/chủ các đơn vị thực hiện công tác vệ sinh môi trường trên

địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị và mọi tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Các bộ: TNMT, XD, GTVT, Tư pháp, } Báo cáo
- VHTTDL, NNPTNT, TT&TT;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- UBMTTQ tỉnh, Đoàn TNCSHCM tỉnh, Hội
- LHPN tỉnh, LĐLĐ tỉnh, Hội CCB tỉnh, Hội
- Nông dân tỉnh;
- Các sở: Tư pháp, Nội vụ;
- Cục Quản lý Văn bản Bộ Tư pháp;
- Công thông tin điện tử CP;
- Công thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đo Ngọc An

Produced with ScanTopdf

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **35/2016/QĐ-UBND**
ngày **23** tháng **9** năm **2016** của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt.
2. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt trên phạm vi tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động quản lý chất thải rắn* bao gồm các hoạt động quy hoạch quản lý, đầu tư xây dựng cơ sở quản lý chất thải rắn, các hoạt động phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người.
2. *Chất thải rắn sinh hoạt* (còn gọi là rác sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.
3. *Thu gom chất thải rắn sinh hoạt* là hoạt động tập hợp, phân loại, đóng gói và lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt tại nhiều điểm thu gom tới địa điểm hoặc cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
4. *Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt* là việc giữ chất thải rắn sinh hoạt trong một khoảng thời gian nhất định ở nơi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trước khi vận chuyển đến cơ sở xử lý.
5. *Phân loại chất thải rắn sinh hoạt* là hoạt động phân tách chất thải nhằm chia thành các loại hoặc nhóm chất thải để có các quy trình quản lý khác nhau.
6. *Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt* là quá trình chuyên chở chất thải rắn sinh hoạt từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo hoạt động thu gom,

lưu giữ (hay tập kết) tạm thời, trung chuyển chất thải và sơ chế chất thải tại điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.

7. *Tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt* là việc sử dụng lại chất thải một cách trực tiếp hoặc sau khi sơ chế mà không làm thay đổi tích chất của chất thải sinh hoạt.

8. *Tái chế chất thải rắn sinh hoạt* là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để thu lại các thành phần có giá trị từ chất thải sinh hoạt.

9. *Xử lý chất thải rắn sinh hoạt* là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật (khác với sơ chế) để làm giảm, loại bỏ, cô lập, cách ly, thiêu đốt, tiêu hủy, chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

10. *Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh* là hoạt động chôn lấp phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật về bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh.

11. *Chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt* là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

12. *Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt* là tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

13. *Chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt* là tổ chức, cá nhân được phép thực hiện việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thể trực tiếp là chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoặc tổ chức, cá nhân có đủ năng lực chuyên môn được chủ đầu tư thuê để vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

14. *Chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt* bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm phương tiện, trang thiết bị, đào tạo lao động, chi phí quản lý và vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tính theo thời gian hoàn vốn và quy về một đơn vị khối lượng chất thải rắn được xử lý.

15. *Chi phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt* bao gồm chi phí đầu tư phương tiện, trang thiết bị, đào tạo lao động, chi phí quản lý và vận hành cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tính theo thời gian hoàn vốn và quy về một đơn vị khối lượng chất thải rắn được thu gom, vận chuyển.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người; mọi hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan.

2. Các đơn vị vệ sinh môi trường được giao phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Mọi tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định vệ sinh môi trường, giữ gìn vệ sinh khu vực làm việc, nơi công cộng, nơi cư trú; tự phân loại rác và thực hiện lưu giữ chất thải trong khu vực của mình đảm bảo vệ sinh môi trường; đổ chất thải đúng thời gian, đúng nơi quy định.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích việc xã hội hoá công tác thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường; khuyến khích ứng dụng công nghệ hiện đại, tiết kiệm chi phí xử lý và tiết kiệm tài nguyên.

Chương II

PHÂN LOẠI, LƯU GIỮ, THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

1. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt như sau:

a) Nhóm hữu cơ dễ phân hủy (nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả, xác động vật);

b) Nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế (nhóm giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh);

c) Nhóm còn lại.

2. Chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại được lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu giữ phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường. Bao bì, thiết bị lưu giữ đảm bảo: Không bị hư hỏng, rách vỡ; bao bì mềm được buộc kín, bao bì cứng có nắp đậy, không bị rò rỉ nước rỉ rác, không phát tán mùi khó chịu ra môi trường; công trình, thiết bị tập kết, phương tiện vận chuyển phải có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng, không bị thấm, rò rỉ nước rỉ rác.

3. Đơn vị vệ sinh môi trường có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện về phương tiện thu gom, vận chuyển, các bãi tập kết rác thải sinh hoạt phù hợp với từng loại chất thải; tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt đến nơi xử lý theo quy định.

Điều 5. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo các quy định tại Điều 17, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ.

2. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các cá nhân, hộ gia đình phải được cá nhân, hộ gia đình chuyển đến các điểm tập kết theo đúng địa điểm và thời gian quy định.

3. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được bố trí phương tiện, dụng cụ thu gom; bố trí điểm tập kết, lưu giữ, ký hợp đồng với đơn vị làm dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt để đưa đi xử lý theo quy định hoặc tự thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo quy định bảo vệ môi trường.

4. Tại các khu đô thị, khu dân cư tập trung, điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan, không gây ùn tắc giao thông và không lưu giữ rác thải sinh hoạt quá 48 giờ.

Điều 6. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được xử lý theo các công nghệ: Chôn lấp hợp vệ sinh, đốt, chế biến thành phân hữu cơ, sản xuất nhiên liệu hoặc các công nghệ khác phù hợp với đặc tính chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại. Công nghệ xử lý phải đảm bảo vệ sinh môi trường, đáp ứng các quy chuẩn quốc gia về môi trường và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Địa điểm lựa chọn đầu tư xây dựng các khu xử lý, các điểm/bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh, lò đốt rác phải phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn của tỉnh và quy hoạch chung của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thiết kế, lựa chọn địa điểm, xây dựng và vận hành các khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh, lò đốt rác phải tuân thủ theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận.

4. Đối với những khu vực chưa có dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức tự phân loại, lưu giữ theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 4 của Quy định này và tự xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhóm hữu cơ dễ phân hủy xử lý bằng phương pháp chôn lấp tạo thành phân bón; nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế thực hiện thu gom, bán phế thải hoặc tái sử dụng trong gia đình; nhóm khác xử lý bằng đốt hoặc tự vận chuyển ra bãi thải sinh hoạt chung.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện việc phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Hộ gia đình, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

3. Chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý và thanh toán toàn bộ chi phí theo hợp đồng dịch vụ hoặc tự thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo quy định bảo vệ môi trường.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Bảo đảm đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại những địa điểm đã quy định.

2. Thông báo rộng rãi về thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm dân cư.

3. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến điểm tập kết, trạm trung chuyển hoặc cơ sở xử lý bằng các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

4. Trường hợp phân loại được chất thải nguy hại từ chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển thì phải chuyển sang quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

5. Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

6. Đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

7. Tổ chức khám bệnh định kỳ, bảo đảm các chế độ cho người lao động tham gia thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

8. Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện 01 lần/năm (trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo) về tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

a) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

b) Thực hiện đầy đủ các nội dung xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và hồ sơ đề nghị xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt kèm theo nội dung xác nhận. Hồ sơ này là căn cứ cho hoạt động quản lý, giám sát môi trường đối với chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

c) Có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước, các bên có liên quan trong trường hợp ngừng dịch vụ xử lý để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp dịch vụ xử lý. Nội dung thông báo phải nêu rõ lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ đồng thời phải có phương án xử lý;

d) Khi phát hiện sự cố môi trường phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường để phối hợp xử lý;

đ) Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

e) Trường hợp phân loại được chất thải nguy hại từ chất thải rắn sinh hoạt hoặc phát sinh chất thải nguy hại tại cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thì phải chuyển sang quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định.

g) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện 01 lần/năm (trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo) về tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có quyền:

a) Được thanh toán đúng và đủ giá dịch vụ xử lý chất thải rắn theo hợp đồng đã ký kết;

b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và các định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan đến hoạt động xử lý chất thải rắn;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

b) Quản lý việc sử dụng đất xây dựng mới các khu xử lý chất thải rắn; chủ trì lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt, điều chỉnh

quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất để phát triển khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh;

c) Hướng dẫn công tác giải tỏa đền bù để xây dựng khu xử lý chất thải rắn;

d) Hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị xác nhận, điều chỉnh xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

đ) Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, thẩm định xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với các cơ sở xử lý chất thải, các khu tái chế, tái sử dụng, bãi chôn lấp.

e) Tổ chức quản lý, kiểm tra các hoạt động bảo vệ môi trường về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt;

g) Hướng dẫn kỹ thuật phương pháp tự xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với các khu vực chưa có dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Hướng dẫn mẫu báo cáo hàng năm của Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố, các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

h) Chỉ đạo thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền;

i) Tổ chức điều tra quan trắc, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường tại các cơ sở xử lý, tiêu hủy, các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt;

k) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

l) Tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy hoạch quản lý chất thải rắn của tỉnh; hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy hoạch được phê duyệt; phương pháp lập, quản lý chi phí và phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

b) Công bố định mức kinh tế, kỹ thuật và đề xuất đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; suất vốn đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải rắn sinh hoạt, quản lý, khai thác, trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh đối với công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt mới được áp dụng lần đầu trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Giao thông và Vận tải: Chỉ đạo Thanh tra giao thông vận tải phối hợp với Thanh tra xây dựng, Thanh tra tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm do chủ phương tiện vận chuyển làm rơi, vãi, đổ thải không đúng quy định trên hè, đường và nơi công cộng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thực hiện phân bổ kế hoạch chi ngân sách nhà nước phục vụ công tác quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo phân cấp trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư xã hội hóa;

c) Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án về xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

d) Chủ trì nghiên cứu, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

e) Hướng dẫn cụ thể việc tổ chức, cá nhân được hỗ trợ ưu đãi khi tham gia vào lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

b) Căn cứ theo đề xuất của Sở Xây dựng, thẩm định và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán chi phí hàng năm về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

d) Lập các phương án giá dựa trên định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở thực hiện đấu thầu dịch vụ công ích về chất thải rắn sinh hoạt có sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn: Tổ chức thực hiện tiêu chí về bảo vệ môi trường trong Chương trình xây dựng nông thôn mới, nhất là hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

8. Các sở, ban, ngành khác có liên quan

a) Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra, thanh tra việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt và giải quyết các vấn đề có liên quan đến quản lý bảo vệ môi trường.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan khác có liên quan để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương.

2. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường quản lý việc tổ chức thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

4. Chỉ đạo hướng dẫn và đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn trong việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, thời điểm báo cáo trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Hướng dẫn việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các khu dân cư chưa có dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường và phù hợp với điều kiện của người dân.

2. Phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện giám sát, kiểm tra các đơn vị thực hiện vệ sinh môi trường trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

3. Chịu trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các tổ chức, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn chấp hành các quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt và các quy định khác có liên quan;

kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm quy định về vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý.

4. Tổ chức tuyên truyền các nội dung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt và giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý.

5. Tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền được pháp luật quy định.

Điều 13. Sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp phối hợp với chính quyền cùng cấp tuyên truyền nâng cao nhận thức về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, vận động Nhân dân làm tốt công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, đổ rác đúng thời gian, đúng nơi quy định; phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn.

Chương III. CHI PHÍ TÀI CHÍNH VÀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ

Điều 14. Chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt được lấy từ nguồn thu của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật và được xem xét, bù đắp thêm thông qua ngân sách sự nghiệp môi trường được phân bổ hàng năm.

2. Việc áp giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng thực tế và không vượt quá mức giá của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 15. Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Nguyên tắc và phương pháp định giá theo quy định tại Điều 25, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ.

2. Trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

a) Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng lập phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, chủ đầu tư lập và trình phương án giá, Sở Tài

chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Đối với các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt liên vùng, liên tỉnh, chủ đầu tư lập phương án giá gửi Bộ Tài chính thẩm định. Kết quả thẩm định của Bộ Tài chính là cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 16. Ưu đãi, hỗ trợ

Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn và một số chính sách ưu đãi cụ thể về xử lý nước thải, xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường và các quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

CHƯƠNG IV. KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHEN THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Kiểm tra

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình thường xuyên tổ chức việc kiểm tra định kỳ và đột xuất việc chấp hành Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đều phải chịu sự kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo từng lĩnh vực quản lý.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Trong quá trình thực hiện quy trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về vệ sinh môi trường tùy mức độ vi phạm sẽ bị nhắc nhở, bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Khen thưởng

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt sẽ được xét tặng giấy khen, bằng khen và các danh hiệu khác theo quy định.

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Điều khoản thi hành

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định này. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu phát sinh vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh, các đơn vị liên quan có ý kiến gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Ngọc An